

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2026

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thùy Linh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa** và ông **Nguyễn Đức Thắng**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thành Đạt** - Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1999;
Căn cước công dân số: 035199003240;
Nơi thường trú: thôn 2, Hạ Vỹ, xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu, sinh năm 1979 – Luật sư, số thẻ 10.333/LS thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội - Công ty Luật TNHH số 1 Hà Nội, địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà RCC, 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.
- Bị đơn: Anh **Phan Việt H2**, sinh năm 1997;
Hộ chiếu số: C 2975003; Chứng minh nhân dân số: 113716769
Nơi cư trú: tổ 05, phường Thống Nhất, tỉnh Phú Thọ (phường Dân Chủ, TP H1 Bình, tỉnh H1 Bình cũ);

(Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2025, bản tự khai, phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 được tự do tìm hiểu, đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường Dân Chủ, TP H1 Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 08/5/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng không còn sống chung nữa. Từ khi chị H1 có thai, chị sống một mình, một mình sinh con và trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, tự

lo toàn bộ chi phí sinh hoạt ăn ở, khám chữa bệnh và nuôi con. Anh H2 không chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi con, không hỗ trợ về kinh tế, không động viên tinh thần, ít liên lạc, không hỏi han đến cuộc sống của vợ con, mọi trách nhiệm do một mình chị H1 gánh vác. Việc sống ly thân kéo dài, thiếu sự quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm từ phía anh H2 đã khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn sự yêu thương tôn trọng tin tưởng lẫn nhau. Quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Thấy tình trạng hôn nhân đã âm vào trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn nên chị H1 xin ly hôn anh H2.

1.2. Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là Phan Nhật Minh, giới tính: Nam, sinh ngày 18/01/2025, hiện sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất, đang trực tiếp do chị H1 chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Khi ly hôn, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất tinh thần cho con, chị H1 có đủ điều kiện về thời gian, sức khỏe, kinh tế nên chị xin nuôi con và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp; nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Thực tế chị H1 và anh H2 chỉ chung sống với nhau 01 tháng sau đó anh H2 bỏ đi làm ăn xa, không hỏi han chăm sóc chị H1 trong thời gian mang thai cũng như khi sinh nở. Chị H1 sinh con, tự lo mọi vấn đề, từ khi sinh con anh H2 có về thăm một lần nhưng không chu cấp nuôi con, không đoái hoài vợ con. Chị H1 thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh H2 không muốn hàn gắn gia đình nên xin ly hôn. Về con chung, chị H1 xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung và đảm bảo được việc chăm sóc giáo dục con. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: hai bên không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với Bị đơn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu giao nộp cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và H1 giải, và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

3. Tòa án đã xác minh tại gia đình, địa phương về việc cư trú và tình trạng hôn nhân của anh H2: Xác nhận anh H2 có hộ khẩu thường trú tại tổ 05 phường Thống Nhất, tỉnh Phú Thọ (phường Dân Chủ, TP H1 Bình, tỉnh H1 Bình cũ). Anh H2 kết hôn với chị H1 năm 2024 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dân Chủ, TP H1 Bình, tỉnh H1 Bình. Gia đình không biết rõ được mâu thuẫn vợ chồng của anh H2, chị H1, chỉ biết đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay. Anh H2 hiện đi làm ăn xa, không nói với gia đình, địa phương làm gì, ở đâu, thỉnh thoảng vẫn gọi điện và về thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh H2 đều đã được thông báo cho anh H2 biết.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H1 được ly hôn anh H2; giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con; hai bên không có tài sản công nợ chung; chị H1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn có nơi cư trú tại phường H1 Bình, tỉnh Phú Thọ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ theo Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 14/4/2026 anh H2 vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 23/4/2026 mở lại phiên tòa, chị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm (b) khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Phan Việt H2 đăng ký kết hôn tại UBND phường Dân Chủ, TP H1 Bình, tỉnh H1 Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 08/5/2024, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của Nguyên đơn và kết quả xác minh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 do vợ chồng không cùng chung sống, anh H2 không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị H1 và anh H2 đã ly thân từ tháng 4/2025 đến nay, không quan tâm lẫn nhau. Gia đình đã thông báo cho anh H2 về việc giải quyết ly hôn nhưng anh H2 không có ý kiến, không có quan điểm mà có thái độ bỏ mặc hôn nhân. Tòa án đã triệu tập đề H1 giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh H2

cổ tình vắng mặt điều đó thể hiện bị đơn không còn mong muốn H1 giải thể gia đình đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H1 và anh H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 đối với anh H2 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là Phan Nhật Minh, giới tính: Nam, sinh ngày 18/01/2025, hiện sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất.

Về nuôi con chung: Hiện chị H1 đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Minh. Tại thời điểm ly hôn, cháu Minh được 15 tháng tuổi, cần sự chăm sóc thường xuyên, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất tinh thần cho trẻ, và theo nguyện vọng xin nuôi con của chị H1; căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung (cháu Minh) cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung; xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn không có ý kiến quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo luật định.

[2.6] Đề nghị của kiểm sát viên phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Phan Việt H2.

2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là Phan Nhật Minh, giới tính: Nam, sinh ngày 18/01/2025, hiện sức khỏe tốt, không có nhược điểm về tâm thần thể chất.

Khi ly hôn, giao con chung là cháu Phan Nhật Minh cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000583 ngày 21/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
 - VKSND tỉnh Phú Thọ (P7);
 - VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
 - THADS khu vực 12 – Phú Thọ;
 - UBND xã Quảng Bị, TP Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2022
ngày 19/9/2022 tại UBND xã Lam Điền,
huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội);
- Các đương sự;

H2g Thị Thùy Linh